



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG II/2018



HÀ NỘI, THÁNG III/2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Website: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2018.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên	9
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2018.....	12
1. Đối với cây lúa	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III-V NĂM 2018.....	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng II/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-2,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,1^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN từ -37mm đến -10mm , riêng khu vực phía Tây vùng Bắc Trung Bộ và phía Bắc Tây Nguyên có lượng mưa cao hơn TBNN từ 10mm đến 92mm . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -57 giờ đến -10 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -15% đến 6%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng II/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

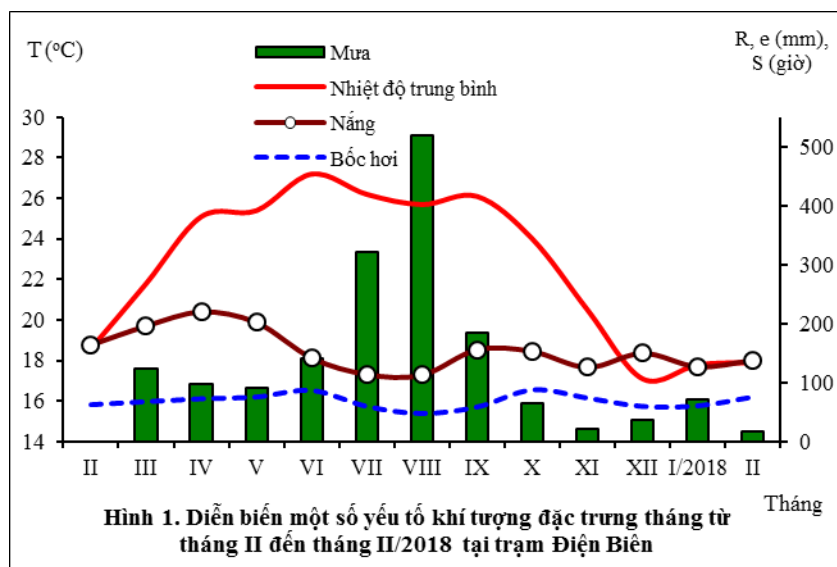
1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-1,0$ đến $0,6^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $10,9^{\circ}\text{C}$ đến $18,8^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $7,9^{\circ}\text{C}$ đến $15,1^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $0,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/II tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $15,7^{\circ}\text{C}$ đến $25,2^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $35,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 15/II tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



- Tổng lượng mưa tháng II/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 1mm đến 40mm, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -36mm đến -10mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất khu vực Lai Châu phổ biến từ 1mm đến 9mm, cao nhất là 17mm xảy ra vào ngày 28/II tại Bắc Yên.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 10 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -57 giờ đến -10 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 29 giờ đến 114 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2018 dao động từ 66% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -15% đến 3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 22% xảy ra vào ngày 9/II tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng II/2018 có giá trị phổ biến từ 35mm đến 87mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (13mm đến 76mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 22 ngày.
- Gió Tây khô nóng xuất hiện 1 ngày tại Yên Châu với cường độ nhẹ
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 5 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng II/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-0,56^{\circ}\text{C}$ đến $0,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

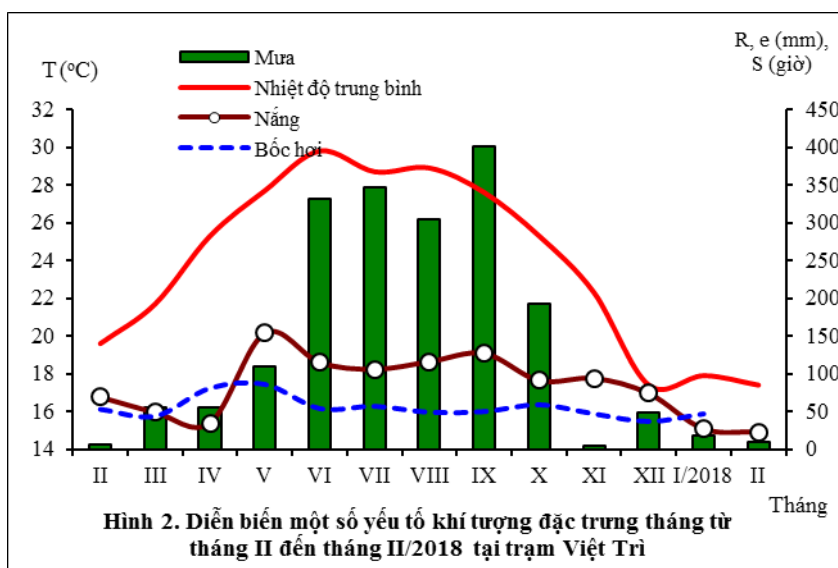
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $9,6^{\circ}\text{C}$ đến $17,7^{\circ}\text{C}$

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $6,9^{\circ}\text{C}$ đến $15,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $2,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/II tại Ngân Sơn.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 13,2⁰C đến 22,0⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 31,2⁰C xảy ra vào ngày 21/II tại Than Uyên.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 5mm đến 44mm; cao nhất là 51mm tại Sapa, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN từ -37mm đến -14mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2018 ở trạm Việt



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Việt Trì

Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2mm đến 25mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 4 - 16 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 21 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng II/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 23 giờ đến 135 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-33 giờ đến 26 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2018 phổ biến từ 72 đến 86%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10% đến -2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 23%, xảy ra vào ngày 16/II tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 38mm đến 83mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (10mm đến 68mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 12 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ giá trị TBNN; có giá trị dao động từ 13,3⁰C đến 17,2⁰C (hình 10).

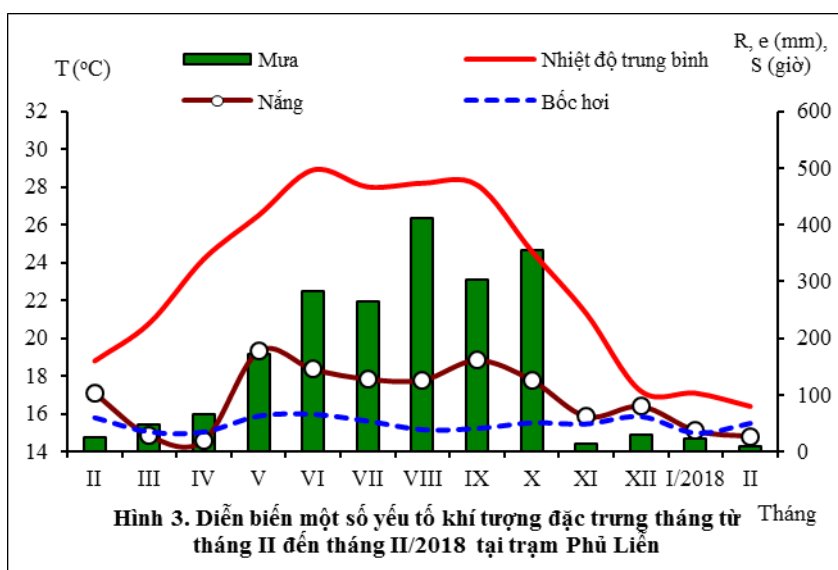
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 15,7⁰C đến 21,6⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,0⁰C xảy ra vào các ngày 21/II tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 10,8⁰C đến 17,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 0,8⁰C xảy ra vào ngày 6/II tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng I/2018 dao động phổ biến từ 13mm đến 84mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-30mm đến -10mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 2 đến 31mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 21 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Phù Liên

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-30 giờ đến 17 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 21 giờ đến 72 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2018 ở các nơi dao động phổ biến từ 71 đến 87%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -12% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 18% xảy ra vào ngày 6/II tại Bắc Giang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 43mm đến 75mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa 23mm đến 70mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 7mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 7 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ $16,4^{\circ}\text{C}$ đến $17,5^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,1^{\circ}\text{C}$) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $18,1^{\circ}\text{C}$ đến $20,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $26,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 28/II tại Sơn Tây;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ $15,0^{\circ}\text{C}$ đến $15,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $9,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 1/II tại Hải Dương. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

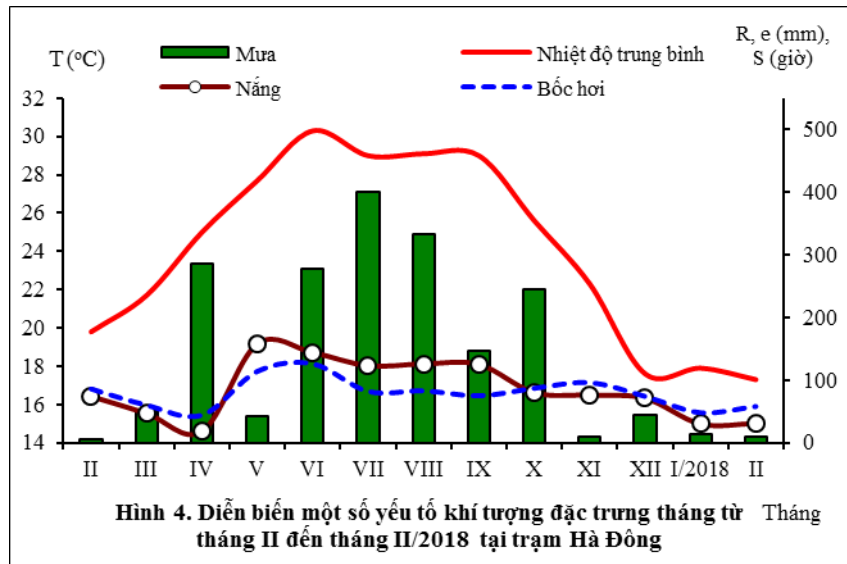
4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -26mm đến -14mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 1mm đến 16mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1 đến 6mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 25 giờ đến 46 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -26 giờ đến -10 giờ, hình 12).



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Hà Đông

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 71% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-14% đến -6%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 6/II tại Nam Định.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 44mm đến 74mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 32mm đến 73mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

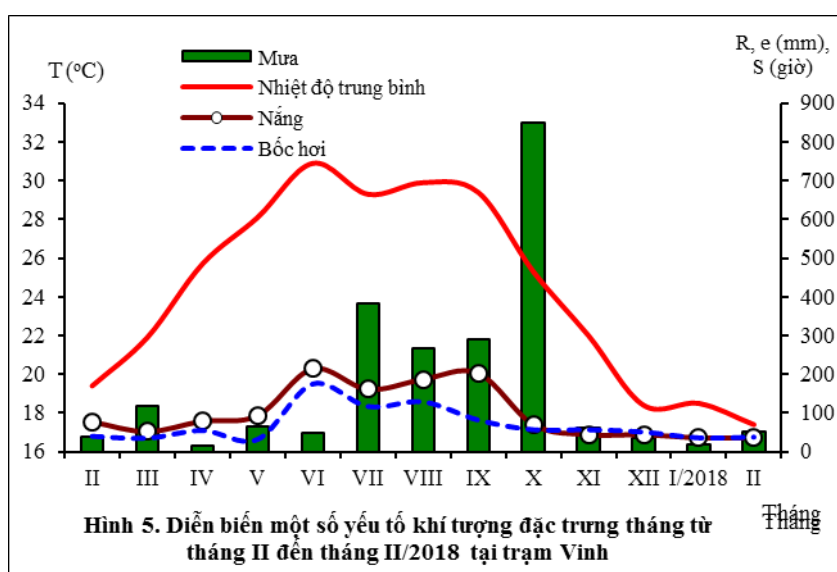
- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 13 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -1,4⁰C đến -0,3⁰C (hình 10) và có giá trị từ 16,5⁰C đến 18,4⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 18,6⁰C đến 22,7⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,2⁰C xảy ra vào ngày 15/II tại Cửa Rào.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 14,3⁰C đến 16,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 7,8⁰C xảy ra vào ngày 9/II tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 14mm đến 64mm, khu vực Yên Định lượng mưa đạt 6mm, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -35mm đến 39mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 30mm, cao nhất là 34mm xảy ra vào ngày 22/II tại Tĩnh Gia.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 20 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 24 đến 75 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -31 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82,78% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 6/II tại Hồi Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 29mm đến 60mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-24mm đến 49mm).

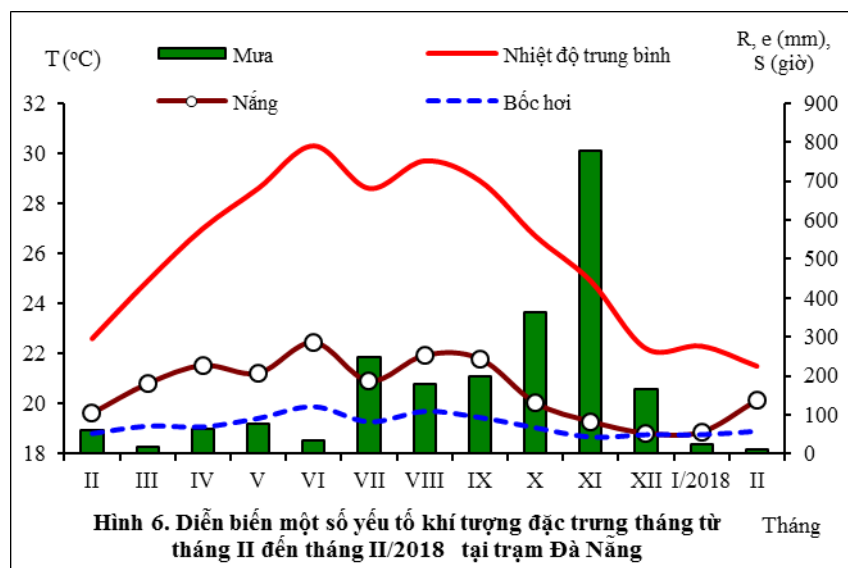
5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 8 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2018 từ 17,1⁰C đến 22,3⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-0,3⁰C đến -1,6⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 20,9⁰C đến 26,6⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,5⁰C xảy ra vào ngày 15/II tại Nam Đông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 14,4⁰C đến 19,4⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 7,6⁰C xảy ra vào ngày 7/II tại Tuyên Hóa.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng II/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ

hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -28mm đến 24mm. Lượng mưa tháng phổ biến từ 10mm đến 38mm, cao nhất là 65mm tại Nam Đông.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5 mm đến 21mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng II đến tháng II/2018 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 38 giờ đến 151 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-43 giờ đến -10 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -4% đến -2%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 15/II tại Khe Sanh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 23mm đến 58mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-28mm đến 46mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

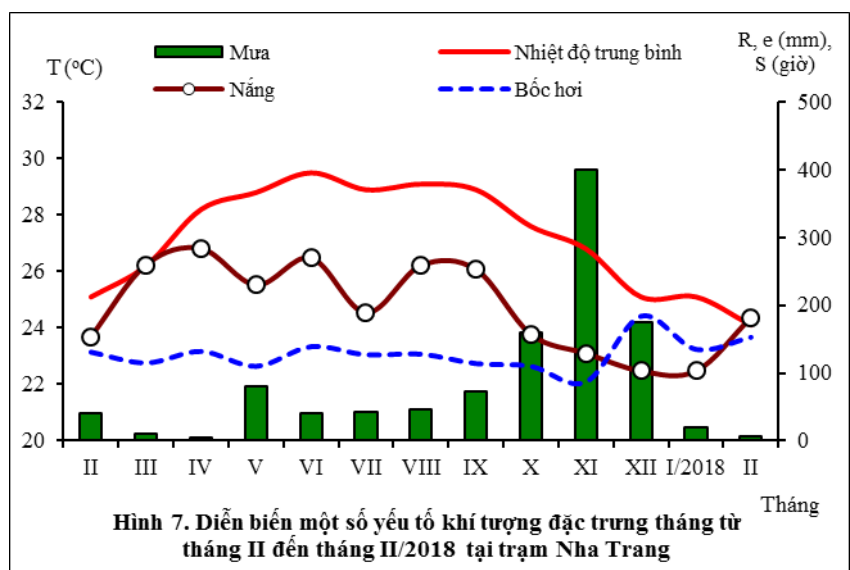
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 2 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2018 từ 21,8⁰C đến 25,3⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -0,9 đến -0,6⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,4⁰C đến 29,8⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,4⁰C xảy ra vào ngày 22/II tại Phan Rang.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Nha Trang

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $19,0^{\circ}\text{C}$ đến $23,1^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,9^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 7/II tại Tuy Hòa. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng II đến tháng II/2018 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa đều dưới 10mm, đặc biệt một số vùng như Cam Rang, Phan Thiết, Hàm Tân cả tháng không có mưa. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -29mm đến -10mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2mm đến 8mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 11 đến 28 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 179 giờ đến 21960 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21 giờ đến 19 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 68% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -6 đến -2% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 40% xảy ra vào ngày 7/II tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 65mm đến 159mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 10mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (65mm đến 147mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2018 từ $15,2^{\circ}\text{C}$ đến $23,3^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-2,2^{\circ}\text{C}$ đến $0,5^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $22,2^{\circ}\text{C}$ đến $30,8^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $34,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 19/II tại Đắc Nông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $11,0^{\circ}\text{C}$ đến $18,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $6,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 7/II tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II đến tháng II/2018 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

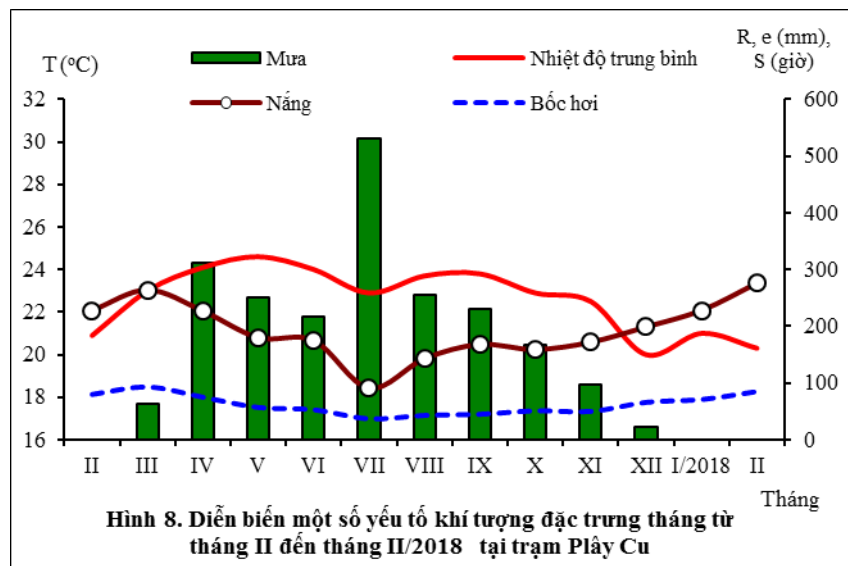
- Tổng lượng mưa tháng II/2018 ở khu vực Tây Nguyên phân bố không đều, khu vực vùng núi Lâm Đồng, có lượng mưa 34 đến 115mm còn các khu vực khác lượng mưa dưới 10mm, một số vùng cả tháng không có mưa như Pleiku, Ayunpa, Buôn Ma Thuột, Đắc Tô, Kon Tum, Liên Khương. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -12mm đến 92mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 18mm, cao nhất là 115mm xảy ra vào ngày 28/II tại Đà Lạt. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 1 đến 4 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 11 đến 28 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2018 phổ biến từ 154 giờ đến 276 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-31 giờ đến 32 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Plây Cu

quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 63% đến 83%; độ ẩm không khí thấp nhất là 11% xảy ra vào ngày 15/II tại Đà Lạt.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 14mm đến 116mm, cao nhất là 147mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Ngoại trừ Đà Lạt có lượng mưa cao hơn lượng bốc hơi 55mm còn các khu vực khác có lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng cao hơn giá trị lượng mưa từ 42mm đến 147mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 3 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

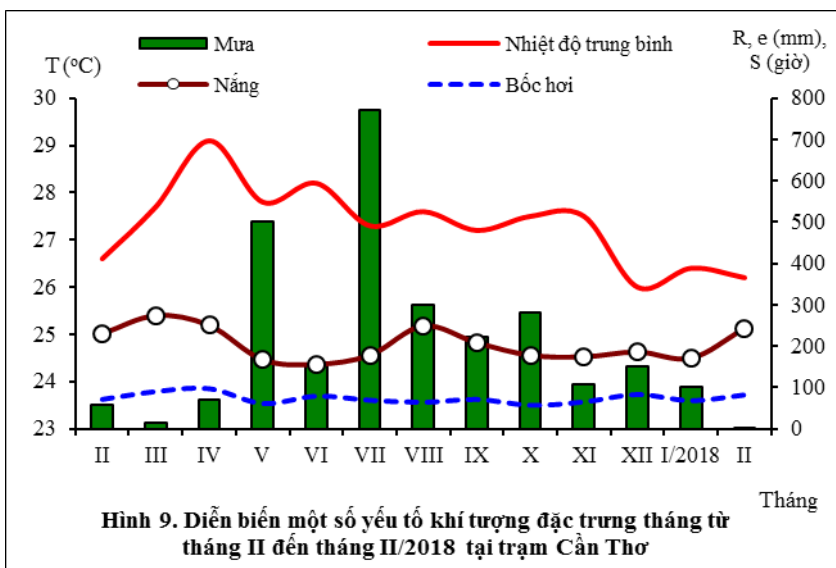
9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2018 từ $24,8^{\circ}\text{C}$ đến $27,5^{\circ}\text{C}$ phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-1,2^{\circ}\text{C}$ đến $0,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $28,4^{\circ}\text{C}$ đến $34,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ

không khí cao nhất là $36,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/II tại Biên Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $19,9^{\circ}\text{C}$ đến $24,6^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 7/II tại Trại An. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II đến tháng II/2018 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2018 dao động phổ biến từ 2mm đến 65mm. Một số khu vực cả tháng không có mưa như Tân Sơn Nhất, Biên Hòa, Vũng Tàu, Rạch Giá, Châu Đốc, Cà Mau. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7mm đến 19mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 2mm đến 36mm, cao nhất là 43mm xảy ra vào ngày 22/II tại Trại An.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 10 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2018 phổ biến từ 76 giờ đến 258 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-46 giờ đến 28 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 56% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 6% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 24% xảy ra vào ngày 24/II tại Phước

Long.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 40mm đến 124mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng (63mm đến 124mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 2 ngày.
- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở khu vực Đông Nam Bộ từ 1 - 6 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2018

Điều kiện KTNN tháng II/2018 ở hầu hết các vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt thấp, tổng lượng mưa tháng quá ít hoặc không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao gây tình trạng thiếu nước nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh phía Bắc liên tiếp xuất hiện các đợt không khí lạnh tăng cường vào cuối tháng I, đầu và trung tuần tháng II gây ra các đợt rét đậm, rét hại, một số khu vực vùng núi cao xuất hiện băng tuyết, sương giá làm ảnh hưởng đến tiến độ gieo cấy lúa vụ đông xuân 2017-2018. Ở các tỉnh phía Nam, hạn hán ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, thời tiết không mưa hoặc lượng mưa không đáng kể cùng với các đợt xâm nhập mặn đã gây ảnh hưởng lớn cho bà con nông dân.

Sản xuất nông nghiệp tháng II tập trung chủ yếu vào việc gieo cấy vụ đông xuân, thu hoạch các cây vụ đông, chăm sóc bón phân, phòng trừ sâu bệnh và giữ nước cho diện tích lúa đông xuân sớm đã gieo cấy ở các tỉnh Miền Bắc. Các tỉnh phía Nam đã kết thúc gieo cấy lúa vụ đông xuân, chăm sóc lúa chính vụ và thu hoạch các trà đông xuân sớm, đồng thời tranh thủ làm đất gieo trồng các loại cây màu vụ xuân, cây công nghiệp ngắn ngày và rau đậu các loại

Đến cuối tháng II, cả nước đã gieo cấy được 2860,2 nghìn ha lúa Đông xuân, tăng 0,4% so cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân các tỉnh phía Bắc đạt 907,1 nghìn ha, bằng 97,3% cùng kỳ, đạt 80,3% kế hoạch đề ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa Đông xuân, tổng diện tích đạt 1953 nghìn ha, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, bằng 101,3% kế hoạch.

1. Đối với cây lúa

Các tỉnh miền Bắc:

Tháng II là tháng mùa đông ở các tỉnh Miền Bắc, điều kiện khí tượng nông nghiệp không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Vào đầu tháng II, do ảnh hưởng của đợt không khí lạnh tăng cường làm nhiệt độ nền nhiệt hạ thấp, xảy ra các đợt rét đậm, rét hại, nhiều vùng núi cao xuất hiện băng giá, tuyết như khu vực Mẫu Sơn (tỉnh Lạng Sơn) nhiệt độ tiếp tục giảm thấp xuống $-1,6^{\circ}\text{C}$ làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

Cùng với các đợt rét đậm, rét hại thì lượng mưa và số ngày mưa trong tháng cũng rất ít, nhiều khu vực lượng mưa cả tháng dưới 10mm như khu vực Sơn La, Mai Châu, Hòa Bình, Lào Cai, Nghĩa Lộ, Hừa Lũng, Sơn Động, Sơn Tây... thấp hơn lượng bốc hơi từ 10 – 70mm, độ ẩm không khí tối thấp tuyệt đối có những nơi xuống dưới 18% (Bắc Giang) làm cho các sông suối, hồ ao cạn kiệt không đủ nước cung cấp cho vụ đông xuân.

Tại các địa phương phía Bắc, đợt rét đậm, rét hại vào đầu tháng gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Cụ thể:

- Trên địa bàn tỉnh Sơn La đã có 960 con gia súc bị chết rét. Nhiều diện tích cây trồng ở nhiều vùng cao bị cháy khô lá, ảnh hưởng nặng đến sản xuất và đời sống nhân dân;

- Tỉnh Yên Bái đã có 187 con gia súc gồm trâu, bò, bê, ngựa, dê bị chết rét, tập trung ở các huyện vùng cao;

- Tỉnh Lào Cai có 145 con gia súc chết rét;

- Tỉnh Hòa Bình: toàn tỉnh đã thiệt hại 115 con trâu, bò, bê, ngựa

Trong tháng các địa phương miền Bắc đang cố gắng khắc phục tình trạng hạn và thiếu nước, tập trung lấy nước đổ ải, cho sản xuất vụ đông xuân. Tính đến cuối tháng, diện tích gieo cấy lúa Đông xuân đạt 907,1 nghìn ha, bằng 97,3% cùng kỳ. Do đợt rét đậm, rét hại kéo dài 10 ngày xảy ra vào cuối tháng I đầu tháng II; cùng với đó, Tết Nguyên đán năm 2018 muộn hơn 2 tuần so với năm trước do năm 2017 nhuận nên tiến độ làm đất và gieo trồng một số cây trồng vụ Xuân chậm hơn so với cùng kỳ: Các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc chỉ đạt 86,8%; các tỉnh Bắc Trung Bộ đạt 98,1% so với cùng kỳ. Hiện nay,

lúa Đông xuân sinh trưởng và phát triển tốt. Tại một số địa phương, tuy xuất hiện rải rác sâu bệnh gây hại trên lúa như sâu đục thân hai chấm, sâu cuốn lá nhỏ, nhưng do được phát hiện và phòng chống kịp thời nên không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa.

Các tỉnh miền Nam: Tình trạng khô hạn ở nhiều khu vực chưa được cải thiện. Ở khu vực Nam Bộ, nhiều nơi không có mưa như Xuân Lộc, Tân Sơn Nhất, Biên Hòa, Vũng Tàu, Châu Đốc, Cà Mau, Bạc Liêu, Mỹ Tho... đã gây những trở ngại lớn cho sản xuất lúa vụ đông xuân.

Tây Nguyên và Nam Trung Bộ đang là cao điểm của mùa khô, nhiều khu vực cả tháng không có mưa như Phan Thiết, Cam Ranh, Pleiku, Ayunpa, Kon Tum, Đắk Tô, Buôn Ma Thuột... hoặc lượng mưa không đáng kể (dưới 10mm) trong khi đó lượng bốc hơi từ 60-159mm làm cho hàng vạn héc ta cây trồng nhất là cây cà phê, hồ tiêu đang đối mặt với một mùa hạn mới. Với thời tiết hanh khô lớn nên khả năng gây cháy rừng rất cao. Ở những vùng sản xuất nông nghiệp nhờ nước trời việc gieo cấy lúa đông xuân gặp nhiều khó khăn

Đến cuối tháng, các tỉnh phía Nam đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa Đông xuân đạt tổng diện tích 1953 nghìn ha, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống đạt gần 1564 nghìn ha, tăng 1,7% cùng kỳ. Hiện lúa Đông xuân phát triển tốt, những trà lúa chính vụ đang trong giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, số ít trong giai đoạn giậm sữa, chuẩn bị trổ, trong đó có 323,8 nghìn ha lúa Đông xuân thuộc vùng đê bao và vùng ngọt hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch, giảm 22,9% do ảnh hưởng mưa đầu vụ nên xuống giống chậm. Tình hình thời tiết hiện nay tương đối thuận lợi cho sự phát triển của cây lúa. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích lúa Đông xuân đã cho thu hoạch đạt 248,4 nghìn ha, chiếm 15,9% diện tích xuống giống, năng suất ước đạt 64,1 tạ/ha. Diện tích thu hoạch lúa mùa ở các tỉnh phía Nam ước đạt 550 nghìn ha, chiếm 96,4% diện tích gieo trồng, năng suất ước đạt 48,3 tạ/ha.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tiến độ gieo trồng các loại cây rau màu vụ Đông xuân nhìn chung chậm hơn cùng kỳ năm trước. Trong tháng, các địa phương trong cả nước đã gieo trồng ước đạt 344,5 nghìn ha cây màu lương thực các loại, bằng 92,7% cùng kỳ năm trước. Các cây trồng chính gồm có: Ngô đạt 211,7 nghìn ha, khoai lang đạt

49,1 nghìn ha, sản đạt 83,1 nghìn ha. Các cây công nghiệp ngắn ngày diện tích đạt 151,9 nghìn ha, bằng 93,6% cùng kỳ năm 2017, trong đó: Cây đậu tương đạt 13,5 nghìn ha, cây lạc đạt 77,8 nghìn ha. Tổng diện tích rau, đậu đạt 396,5 nghìn ha, tăng 5,8% cùng kỳ năm trước. Tiến độ gieo trồng cây rau màu vụ Đông xuân 2018 nhìn chung chậm hơn cùng kỳ năm 2017, một phần do thời tiết không thuận lợi, đầu vụ Đông mưa nhiều đất ướt không thể gieo trồng, đầu vụ Xuân rét đậm rét hại; bên cạnh đó do một số cây hiệu quả kinh tế không cao trong khi chi phí đầu vào tăng đã ảnh hưởng đến việc đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích gieo trồng.

Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng kém ở Mộc Châu trên đất rất khô, sinh trưởng trung bình ở Ba Vì trên đất ẩm trung bình.

Lạc ở Trung Trung Bộ ra lá thật thứ 3, trạng thái sinh trưởng trung bình

Cà phê Tây Nguyên đang ra nụ; cà phê Xuân Lộc đang nở hoa. Cà phê sinh trưởng trung bình đến tốt trong điều kiện tưới đủ.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng II/2018

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Kém	Rất khô	
2		Điện Biên	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa chiêm bén rễ hồi xanh	TB	Quá ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí				
5		Lạng Sơn				
6		Bắc Giang				
7	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn		ẩm	
8		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	

9	Đồng bằng Sông Hong	Hà Đông	Lúa xuân cấy	TB	3cm	
10		Hoài Đức				
11		Hưng Yên	Lúa xuân mọc mầm	Khá	Quá ẩm	
12		Nam Định	Lúa chiêm bén rễ hồi xanh	Khá	4cm	
13		Ninh Bình	Lúa xuân cấy	TB	3cm	
14		Thái Bình	Lúa xuân cấy	Khá	3cm	
15	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc lá thật thứ ba	TB	TB	
16			Đậu tương lá kép thứ ba	TB	TB	
17		Thanh Hoá	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3cm	
18		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3cm	
19		Đô Lương	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	3cm	
20	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	4cm	
21	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa xuân mọc dón	Khá	3cm	
22		An Nhơn	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3cm	
23	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê ra nụ	Tốt	TB	
24	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê nở hoa	TB	ẩm	
25		Trà Nóc	Chuyển vụ	TB	3cm	
26		Mỹ Tho	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
27		Bạc Liêu	Chuyển vụ			

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục bảo vệ thực vật do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh kèm theo mưa nên một số bệnh phát sinh gây hại trong tháng II gia tăng trên diện rộng như bệnh đạo ôn hại lúa, ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ, bệnh nghệt rễ. Bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép hạt phát sinh gây hại chủ yếu trên lúa trà sớm ở giai đoạn đồng trổ đến chắc xanh, nặng

cục bộ trên các giống lúa nhiễm. Sâu cuốn lá nhỏ, sâu năn, sâu đục thân ... phát sinh và gây hại tăng, chủ yếu trên lúa Đông Xuân ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng cái, rải rác nặng cục bộ. Phần lớn các loại sinh vật gây hại này tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam. Diện tích lúa bị nhiễm dịch hại như sau:

- Rầy hại lúa: Diện tích nhiễm 20.596 ha, nhiễm nặng 422 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh VL, LXL: Diện tích nhiễm 883,4 ha, nhiễm nặng 141,7 ha. Phân bố tại các tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp.

- Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 23.435 ha, nhiễm nặng 136 ha. Tập trung tại phía Nam.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 3.165 ha, nhiễm nặng 01 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm 2.972 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu năn (muỗi hành): Diện tích nhiễm 10.590 ha, nhiễm nặng 856 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Vĩnh Long, An Giang và Hậu Giang ...

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 11.594 ha, nặng 77 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Bình Thuận...

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 5.045 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Chuột: Diện tích hại 4.114 ha, hại nặng 50 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang...

- Ốc bươu vàng: Diện tích hại 3.200 ha, hại nặng 47 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang...

Ngoài ra còn có các đối tượng sinh vật gây hại khác gây hại nhẹ như: Sâu đục thân (184 ha), bệnh khô vằn (541 ha), nhện gié (159 ha), bệnh vàng lá sinh lý (977ha, nặng 05 ha), bọ trĩ (1685 ha)...

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III-V NĂM 2018

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa III - năm 2018 mùa III-V năm 2018 có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở phần lớn diện tích cả nước; từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Tây Bắc và Trung Trung Bộ, với xác suất 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ -1,0 đến 1,0⁰C

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa III - V năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất 55 đến 77%. Chuẩn sai lượng mưa mùa phổ biến từ 0 đến 200mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: Số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta trong mùa III - V năm 2018 có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

Nắng nóng: Trong mùa III – V năm 2018, nắng nóng có thể xuất hiện ở mức TBNN ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

Đông lạnh, mưa đá: Các khu vực vùng núi cao phía Bắc cần đề phòng khả năng xảy ra mưa đá và đông lạnh.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng II và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng III/2018 và dự báo khí hậu 3 tháng III, IV, V/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường chăm sóc và có các biện pháp phòng chống rét bảo vệ lúa xuân, phòng chống rét cho gia súc, gia cầm nhất là trâu, bò mà đặc biệt chú trọng là ở các tỉnh vùng cao.
- Do thời tiết nắng ấm, cùng với mưa phùn là điều kiện thời tiết thuận lợi cho sâu bệnh phát triển, vì vậy cần chuẩn bị các biện pháp phòng trừ sâu bệnh.
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn để đủ nước tưới dưỡng cho lúa.

2. Miền Trung:

- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

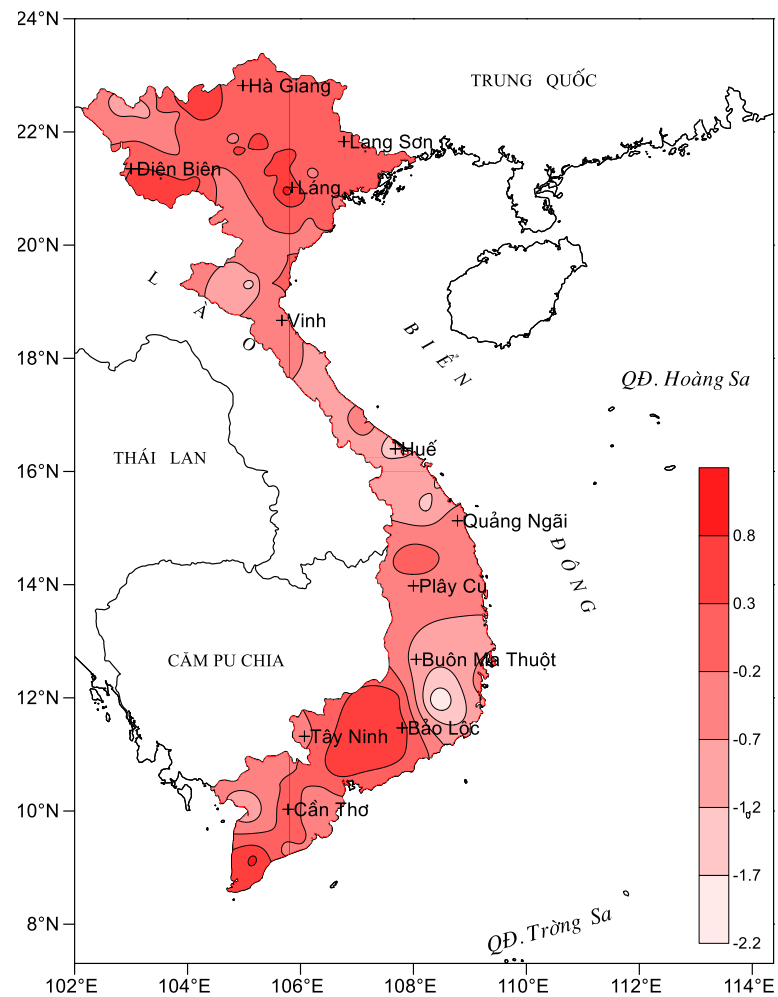
3. Miền Nam:

- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn.

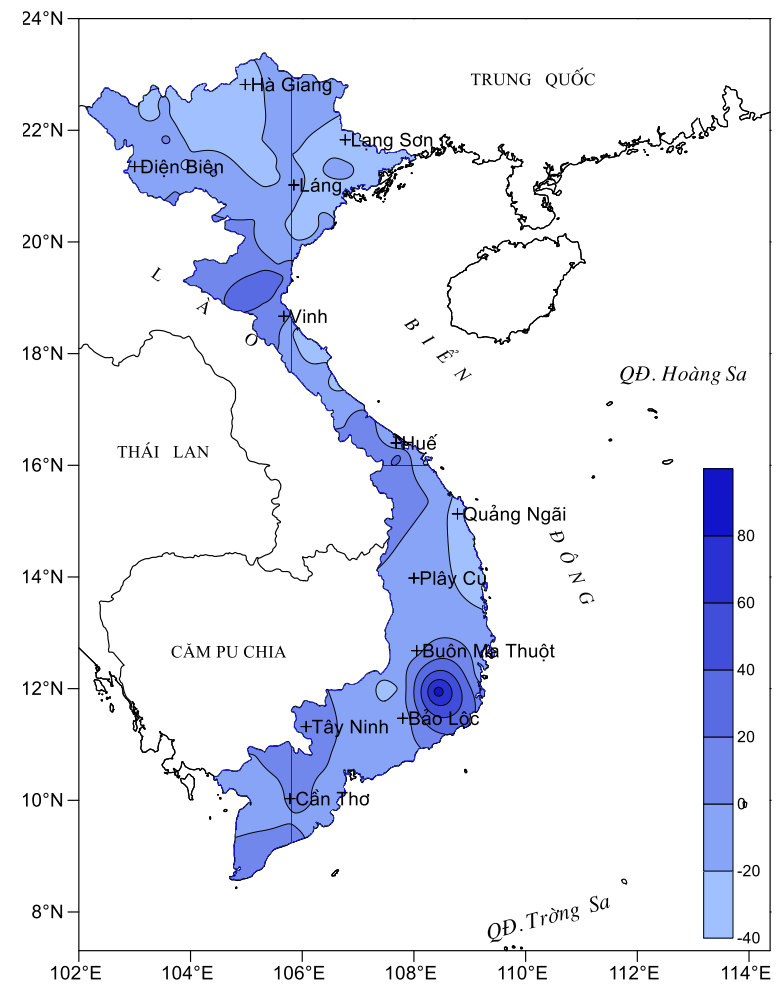
- Chăm sóc lúa vụ đông xuân.
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là các biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa và ngăn chặn dịch rầy nâu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

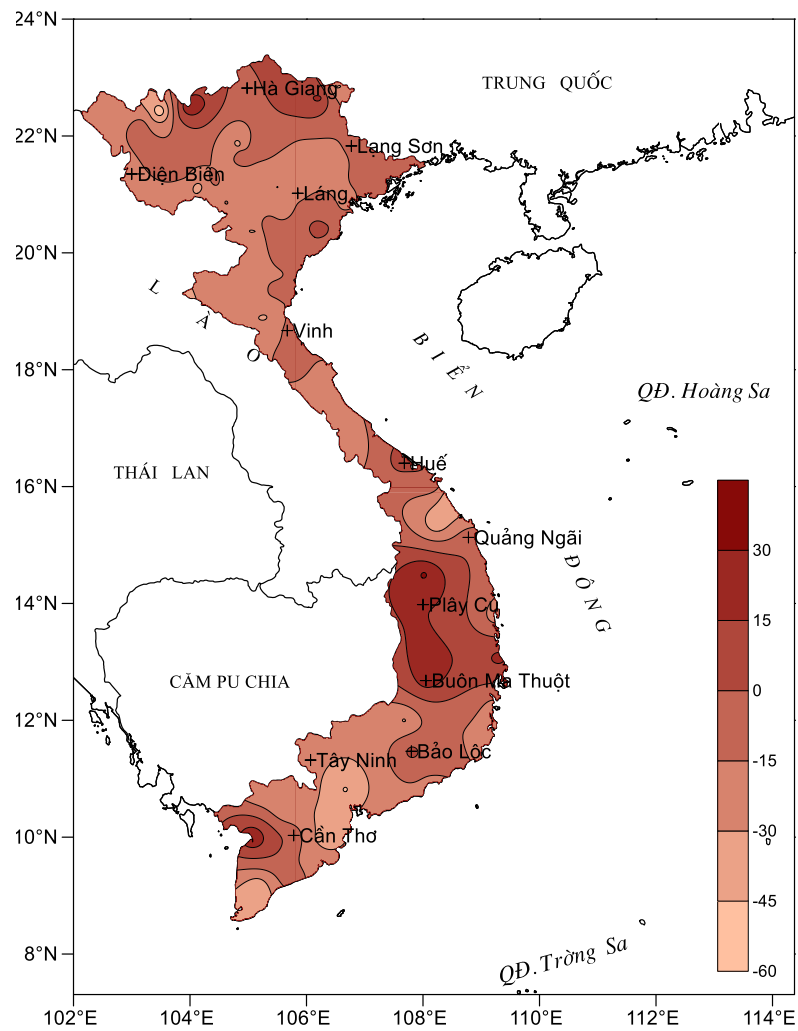
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng III, IV, V năm 2018;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng III năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng II năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



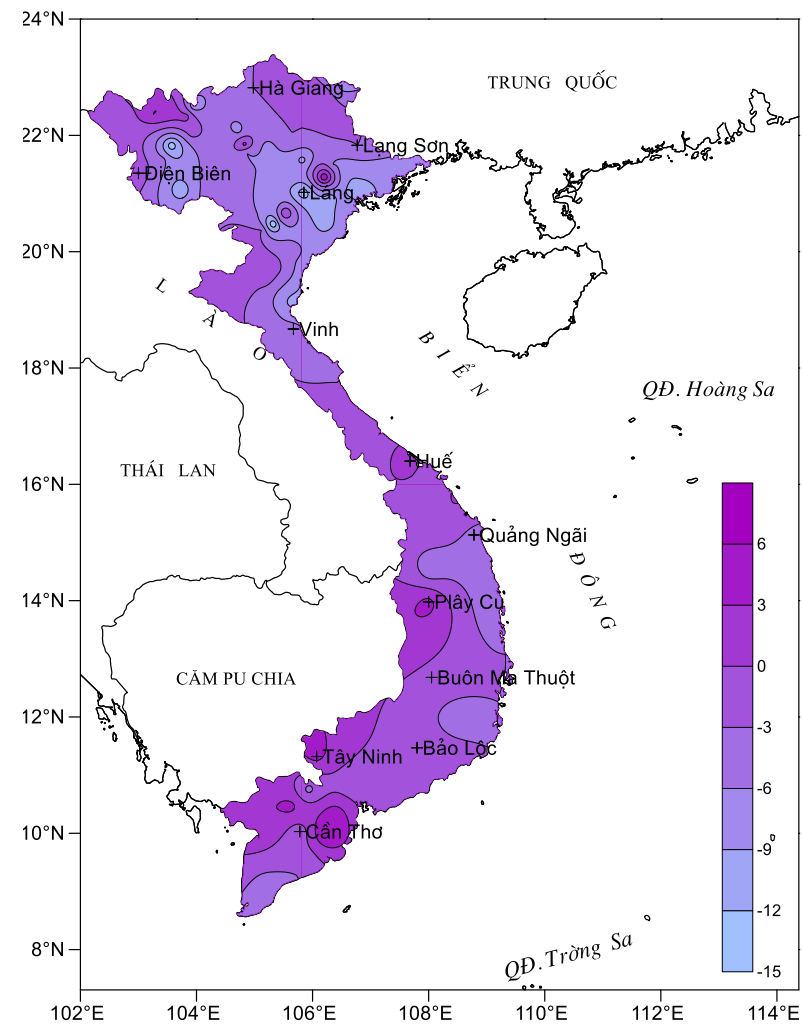
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng II/2018 so với TBNN (°C)



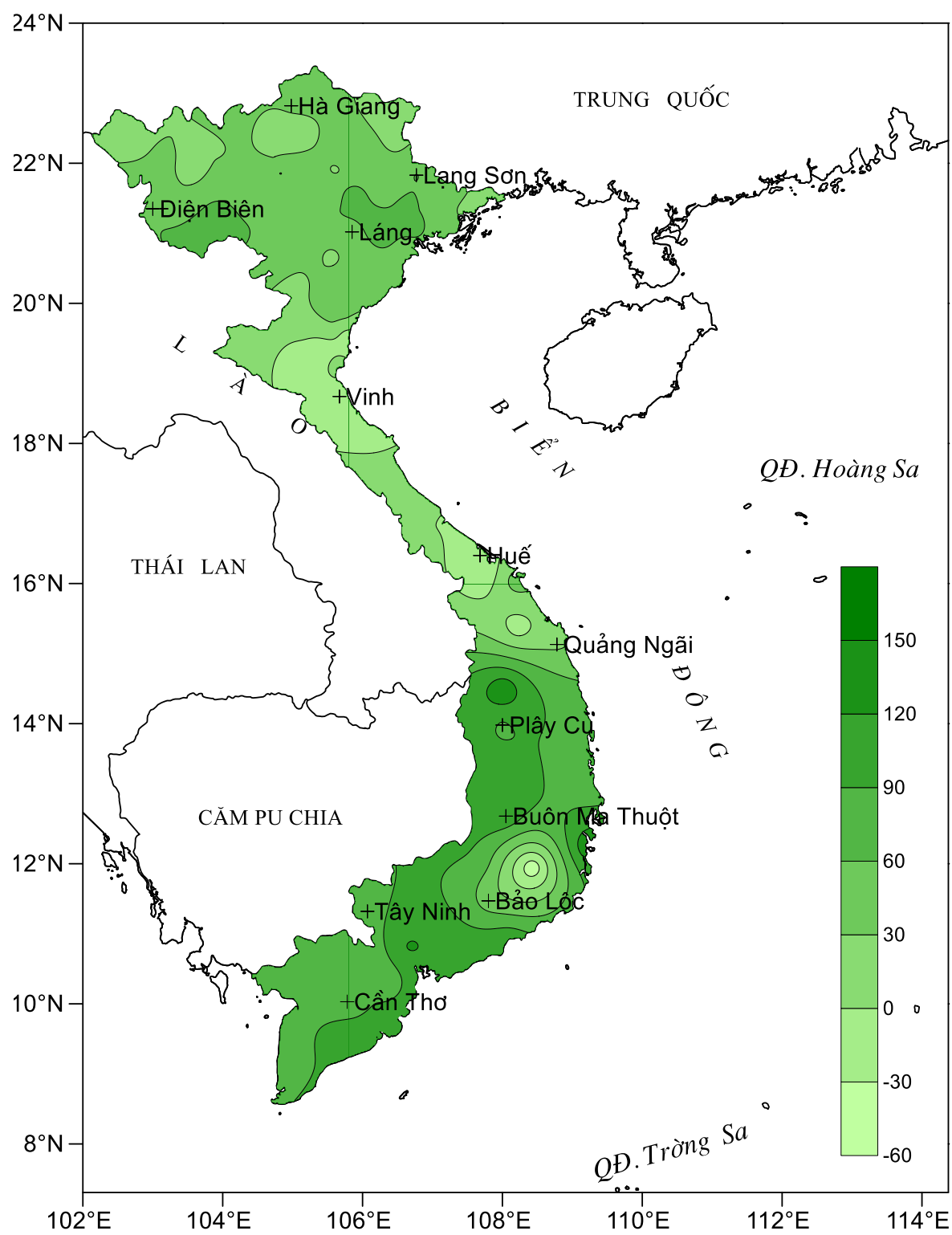
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng II/2018 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng II/2018 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng II/2018 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng II/2018 (mm)